

Về ý thức bảo vệ môi trường từ hành vi sinh hoạt, tiêu dùng ở Thành phố Hà Nội hiện nay

ThS NGUYỄN SƠN TÙNG

Đống Đa, Hà Nội; Email: sontung.296@gmail.com

Tóm tắt: Môi trường là thế giới xung quanh đang tác động đến sự tồn tại và phát triển của con người. Môi trường bao gồm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Ngày nay, chúng ta đang đối mặt với nhiều vấn đề mang tính toàn cầu và một trong số đó là vấn đề ô nhiễm môi trường. Thông qua các báo cáo và truyền thông, ta có thể thấy thực trạng môi trường ở Việt Nam nói chung và các thành phố lớn như Hà Nội nói riêng đang trở nên vô cùng nghiêm trọng. Mức độ ô nhiễm môi trường thường xuyên ở mức báo động đỏ và làm suy giảm chất lượng đời sống của người dân.

Từ khóa: môi trường; hành vi sinh hoạt; tiêu dùng; ô nhiễm môi trường.

1. Thực trạng về môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội hiện nay

Về môi trường không khí tại Thành phố Hà Nội

Nghiên cứu của các nhà khoa học trong 20 năm trở lại đây đã đưa ra các nét chung nhất về tình trạng không khí ở Hà Nội, từ mức độ ô nhiễm nguồn phát thải cho tới tác động đối với sức khỏe người dân Thành phố. Trong năm 2007, một nghiên cứu lấy mẫu tại 97 điểm ở Thành phố Hà Nội đã chỉ ra nồng độ nhiều chất độc hại trong không khí đạt mức báo động. Trong giai đoạn 2010 - 2020, vấn đề ô nhiễm không khí Hà Nội đã trở thành điểm nóng. Các kết quả từ những nghiên cứu đã chỉ ra rằng chất lượng không khí Hà Nội chưa có sự cải thiện, nhiều chỉ số vẫn ở mức cảnh báo và báo động.

Về môi trường nước ở nội đô Thành phố Hà Nội

Sông, hồ có vai trò quan trọng đối với cuộc sống con người, như cung cấp nguồn nước cho đời sống và sản xuất. Các con sông còn giữ vai trò như một tuyến đường giao thông, cung cấp nguồn điện cho khu vực. Hà Nội đứng đầu cả nước về số lượng sông, hồ với hơn 122 hồ nội thành, 158 hồ ngoại thành và 13 con sông chảy qua.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, các sông, hồ đều bị ô nhiễm nặng. Theo số liệu quan trắc của Chi cục Bảo vệ môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội), chất lượng nước các dòng sông nội đô, như Kim Ngưu, Tô Lịch, Sét, Nhuệ, Lừ..., hàm lượng amoni, coliform, phosphat... đều vượt quy chuẩn cho phép

Theo kết quả giám sát cuối năm 2019 của Viện Quy hoạch thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đã cho thấy, nước sông Nhuệ có hàm lượng chất thải hữu cơ trong nước vượt quá giới hạn từ 2 đến 9 lần, hàm lượng amoni - gây suy giảm chất lượng nước, vượt quá giới hạn 0,4 đến 11 lần.

Hệ thống sông nội đô Thành phố Hà Nội có vai trò là mạng lưới kênh thoát nước thải cấp I, tiếp nhận nguồn nước mưa và nguồn thải như nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước thải bệnh viện. Mỗi ngày, các con sông Tô Lịch, Sét, Lừ, Kim Ngưu, Nhuệ phải nhận tới 600.000m³ nước thải mỗi ngày, trong đó chỉ có 22% lượng nước thải được xử lý, còn lại được xả thải trực tiếp ra các sông, hồ trên địa bàn Thành phố. Qua thực tế nhiều năm và kết quả phân tích từ các nghiên cứu, báo cáo đã cho thấy, nước sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu và hầu hết các con sông ở nội đô đều đã bị ô nhiễm. Các thông số quan trắc đều đã vượt qua giới hạn cho phép, hàm lượng H₂S trung bình trong nước sông nội đô Thành phố Hà Nội cao gấp 6 lần so với khuyến cáo, làm tác động tới môi trường, gây ô nhiễm, tạo thành mùi khó chịu, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân ven sông và gây tổn hại nghiêm trọng tới hệ sinh thái thủy sinh.

Về thực trạng chất thải rắn sinh hoạt tại Thành phố Hà Nội

Đối với Thành phố Hà Nội, khác với nhiều thành phố trên thế giới, nguồn gốc của rác thải sinh hoạt tại TP. Hà Nội đến từ: khu thương mại, dịch vụ, khu công sở, khu công cộng, dịch vụ vệ sinh. Thành

phần chất thải rắn giữa các khu vực, quốc gia sẽ có các thành phần khác nhau. Đối với Hà Nội, thành phần chất thải rắn sinh hoạt từ các nguồn kể trên bao gồm: chất thải thực phẩm (chất hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học), giấy, bìa các tông, nhựa, vải, cao su, rác vườn, gỗ, kim loại, đồ gốm, sành, sứ thủy tinh, chất thải vỏ, lọ thủy tinh không chứa thành phần nguy hại, tã, lót, khăn vệ sinh, cò, lá cây, mẫu cây thừa, gốc cây,...

Chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam nói chung và Thành phố Hà Nội nói riêng có đặc trưng là độ ẩm cao (dao động trong khoảng 65 - 95%), độ tro khoảng 25 - 30% (khối lượng khô), tổng hàm lượng chất rắn bay hơi (TVS - Total Volatile Solid) dao động khoảng 70 - 75% (khối lượng khô), nhiệt lượng thấp (dao động khoảng 900 - 1.100Kcal/ khối lượng ướt). Thành phần hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học (thực phẩm thải) trong chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình chiếm tỷ lệ cao hơn các thành phần khác.

Hình thức chôn lấp là phương pháp xử lý rác thải sinh hoạt phổ biến tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong tổng số bãi chôn lấp thì chỉ có khoảng 20% là bãi chôn lấp hợp vệ sinh, còn lại là các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh hoặc là các bãi tập kết rác thải cấp xã. Phương pháp xử lý rác thải sinh hoạt bằng hình thức chôn lấp với các bãi chôn lấp ở Việt Nam là phổ biến, thường tiếp nhận rác thải rắn sinh hoạt chưa qua phân loại tại nguồn, có thành phần hữu cơ cao nên tính ổn định thấp, chiếm dụng diện tích đất lớn và gây ảnh hưởng tới môi trường không khí, nước, đất. Một phần là do thành phần hữu cơ dễ phân hủy chiếm tỷ lệ cao. Một phần là do đặc tính về kích thước và bao gồm các thành phần khó phân hủy theo thời gian như nhựa cao su, vải,... đã tác động tới cảnh quan, tạo thành các mùi hôi thối tại các đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp.

Bên cạnh đó, khi rác thải rắn sinh hoạt bị đổ trực tiếp trên mặt đất như các bãi rác tự phát, sự phân hủy thành phần hữu cơ trong điều kiện khí hậu nóng ẩm nhiệt đới gió mùa cùng tác động của các vi sinh vật sẽ tạo ra các chất làm chua đất, gây ô nhiễm môi trường đất. Ngoài ra, một lượng lớn rác thải rắn sinh hoạt bị thả trôi trên nhiều mặt sông, hồ, góp phần làm ô nhiễm môi trường nước. Các chất nổi trên mặt nước

vừa gây mất cảnh quan, vừa cản trở quá trình quang hợp của các loại thực vật ở trong nước. Một phần chất lắng xuống, làm tăng khối lượng trầm tích cần phải nạo vét, tạo thành gánh nặng trong việc hồi phục môi trường. Bên cạnh đó, quá trình kỵ khí sinh ra các chất độc hại, gây ngộ độc cho các loại thủy hải sản.

Hiện nay, các khu xử lý rác thải đang hoạt động với công suất tối đa và phần nào giải quyết được vấn đề về rác thải rắn sinh hoạt. Tuy nhiên, số lượng rác thải phát sinh tăng qua hàng năm, điều này gây sức ép lớn lên các khu xử lý đang vận hành và các khu xử lý rác thải đã, đang hoàn thiện theo quy hoạch của TP. Hà Nội, gây nhiều hậu quả nghiêm trọng tới môi trường không khí, nước, đất và tình trạng sức khỏe người dân.

2. Ý thức của người dân đối với bảo vệ môi trường ở Thành phố Hà Nội

Một trong các nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tình trạng báo động cho môi trường tại thành phố Hà Nội như trên là do ý thức người dân, cụ thể là trên phương diện tiêu dùng, sinh hoạt hàng ngày. Hiện nay, hành vi xả rác của người dân tại TP. Hà Nội nói riêng vẫn còn tiếp diễn. Trong thời gian dài, chính quyền đã có nhiều hình thức tuyên truyền nhằm giúp người dân nhận thức vai trò của bản thân với môi trường và có những dấu hiệu tích cực. Tuy nhiên, các hiện tượng như xả rác vẫn diễn ra thường xuyên. Các bãi rác tự phát thường xuyên xuất hiện tại nhiều khu vực. Nhiều người dân vì tâm lý muốn tiện lợi nên vứt rác tại điểm tự phát, không đến đúng nơi quy định. Cùng với đó, nhiều quán ăn, nhà hàng chưa biết cách thu gom, xử lý rác đã dẫn đến tình trạng hình thành nhiều bãi rác tự phát, vừa gây mất mỹ quan đô thị, vừa ảnh hưởng tới sức khỏe người dân và chất lượng môi trường tại khu vực hình thành bãi rác.

Trong đời sống sinh hoạt, tiêu dùng thì người dân TP. Hà Nội vẫn còn giữ thói quen sử dụng túi ni lon bởi tính thuận tiện, độ bền cao, khả năng chống nước tốt, giá thành rẻ. Tuy nhiên, bởi chính các yếu tố này mà túi được sử dụng phổ biến, thường xuyên được dùng đựng rác. Các túi ni lon này có đặc tính khó phân hủy, nếu sử dụng cách đốt rác thì gây ra mùi khó chịu, tạo thành chất độc hại trong không khí. Bên cạnh đó, các túi rác ni lon lại chứa nhiều thành phần rác phân hủy hữu cơ, dễ tạo thành các ổ

cho loài chuột, bọ, côn trùng và có nguy cơ trở thành các điểm lây lan bệnh.

Trong cuộc sống thường nhật, chưa nhiều người dân có thói quen phân loại rác trước khi vứt. Điều này làm cho quy trình xử lý rác thải trở nên phức tạp bởi mỗi thành phần rác thải khác nhau cần có cách xử lý tối ưu khác nhau, vừa để đảm bảo an toàn cho đời sống người dân khu vực xung quanh khu xử lý, vừa đảm bảo cho môi trường. Nguyên nhân một phần là do muốn tiện lợi, nhiều người dân có thói quen để toàn bộ rác thải sinh hoạt vào trong túi ni lon mà không qua phân loại, một phần là do số kiến thức về phân loại rác thải sinh hoạt theo các thành phần còn chưa được phổ biến.

Các phong tục tập quán cũng có tác động mạnh tới hành vi người dân và môi trường. Thấy rõ nhất là tục đốt vàng mã. Tục đốt vàng mã có từ sớm, được du nhập vào nước ta từ Trung Quốc và trở nên phổ biến. Tục đốt vàng mã thể hiện con cháu ghi nhớ tổ tiên, mong tổ tiên có được cuộc sống an lành sau khi đã mất, báo cho tổ tiên biết rằng con cháu có cuộc sống yên ổn, đầy đủ. Tuy nhiên, ngày nay, ý nghĩa của tục đốt vàng mã có sự thay đổi so với ban đầu, trở nên lan tràn trong xã hội, mỗi lần đốt vàng mã phải có số lượng lớn, để vừa thể hiện sự giàu có bản thân, vừa mong tài lộc nhiều. Điều này đã làm tục đốt vàng mã mất đi ý nghĩa ban đầu, đồng thời tạo thành gánh nặng cho môi trường. Thông thường, từ tháng 7 âm lịch cho đến hết Tết Nguyên đán, lượng vàng mã được đốt tăng cao, gây ô nhiễm môi trường. Tro từ việc hóa vàng thường được bỏ vào túi ni lon, vứt xuống sông, hồ. Kết hợp với lượng vàng mã được đốt tăng cao trong dịp cuối năm đã làm cho các sông, hồ có hiện tượng nước sông đổi sang màu đặc bụi than, thành phần trong tro trở thành một trong các tác nhân gây cản trở quá trình sinh trưởng của sinh vật dưới sông, hồ. Trong quá trình hóa vàng, số lượng lớn vàng mã đồng nghĩa với lượng khói tạo ra lớn, gây cản trở tầm nhìn, ảnh hưởng tới chất lượng không khí của khu vực lân cận.

3. Việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường từ hành vi sinh hoạt, tiêu dùng của người dân Hà Nội hiện nay

Thứ nhất, người dân hiểu biết về môi trường, đạo

đức môi trường tốt hơn. Theo quan điểm trước đây, con người là một phần của tự nhiên, tiếp nhận những nguồn tài nguyên thiên nhiên, cải tạo thiên nhiên để phục vụ cho nhu cầu, mục đích bản thân. Đến nay, khi các kiến thức về môi trường được truyền bá một cách rộng rãi, sâu sắc cùng với sự quan tâm của chính quyền, truyền thông đối với môi trường, người dân đã có sự thay đổi trong nhận thức về môi trường. Người dân hiểu được rằng, con người không chỉ tiếp nhận những yếu tố cần thiết, nguồn tài nguyên thiên nhiên từ môi trường để sinh tồn và phát triển, mà mỗi hoạt động, hành vi của họ đều tác động lại môi trường ở một mức độ nhất định, làm môi trường có sự thay đổi và sự thay đổi này lại tác động lên chính con người. Đây là cơ sở để con người hiểu biết sâu sắc kiến thức môi trường, xây dựng đạo đức môi trường, từ đó có các hành vi ứng xử phù hợp với nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức môi trường.

Thứ hai, hành vi của người dân khi ứng xử với môi trường có sự thay đổi, thể hiện sự thay đổi về mặt nhận thức. Trước đây, người dân không có thói quen phân loại rác trước khi vứt, có tình trạng rác xả bừa bãi. Đối với quá trình xử lý chất thải, phế liệu từ quá trình sản xuất, các chất thải, phế liệu thường được đưa trực tiếp vào môi trường mà không qua xử lý. Tình trạng này diễn ra thường xuyên, ở mọi nơi, tại khu vực nội đô càng diễn ra phổ biến. Đến nay, người dân đã có sự thay đổi rõ rệt. Rác thường được vứt vào thùng rác hay các nơi quy định. Tại nhiều điểm vứt rác đã có các thùng phân loại rác, một bộ phận người dân có thói quen phân loại rác trước khi vứt. Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh đã có hệ thống xử lý nước thải, chất thải trước khi xả thải. Điều này cho thấy người dân đã có kiến thức về môi trường, đạo đức môi trường. Từ đó, người dân đã xem xét, đánh giá hành vi trong ứng xử với môi trường trước khi thực hiện rồi mới đưa ra quyết định sao cho phù hợp, vừa đảm bảo thực hiện nhu cầu cá nhân, vừa đảm bảo thân thiện với môi trường.

Thứ ba, người dân đã hình thành quan điểm bảo vệ môi trường gắn với bảo vệ chính bản thân mình, mở rộng ra là bảo vệ con người. Trước đây, để bảo vệ bản thân, đề phòng rủi ro, con người thường quan tâm đảm bảo các yếu tố như sức khỏe tốt, nền tảng

tài chính vững mạnh, xây dựng cơ sở vật chất chắc chắn,... mà chưa xem xét, đánh giá đúng mức yếu tố môi trường giúp con người sinh tồn, phát triển. Đến nay, khi nhìn vào các đô thị lớn trên thế giới cùng với việc trực tiếp chịu ảnh hưởng của quá trình biến đổi khí hậu, tình trạng suy thoái môi trường, người dân đã xem xét, đánh giá lại yếu tố môi trường. Với nhận thức về môi trường ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn, người dân đã nhận ra, việc bảo vệ môi trường chính là bảo vệ bản thân mình. Chẳng hạn người dân đô thị cảm nhận về những ảnh hưởng của môi trường một cách rõ nét: xe cộ và mật độ xây dựng, khói bụi nhiều làm họ dễ thấy sự oi nóng, khó thở mỗi khi tham gia giao thông; khi Việt Nam thực hiện cách ly xã hội, người dân Hà Nội dễ dàng nhận ra không khí trở nên thoáng đãng, tầm quan sát dễ dàng hơn bởi sự hạn chế của xe cộ và hoạt động xây dựng.

Thứ tư, người dân đã bắt đầu nhận thức được, môi trường bền vững là điều kiện để phát triển. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên của con người ngày một tăng. Dù đã có quan điểm cần dựa vào môi trường để phát triển, tuy nhiên, con người lại theo hướng làm chủ tự nhiên, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên vượt quá khả năng phục hồi của nguồn tài nguyên thiên nhiên. Hiện nay, con người đã nhận thấy nguồn tài nguyên thiên nhiên có giới hạn và hoàn toàn có thể cạn kiệt. Con người nói chung và người Hà Nội nói riêng đã nhận ra, khi môi trường bền vững, quá trình sinh hoạt, học tập, sản xuất sẽ được diễn ra thuận lợi, dễ dàng. Người dân nhận ra, môi trường bền vững là điều kiện quan trọng giúp con người, xã hội phát triển.

Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại nhiều thách thức cần phải nhận diện, từ đó, tìm giải pháp nhằm nâng cao đạo đức môi trường của người dân:

Thứ nhất, nhận thức của người dân về môi trường, đạo đức môi trường chưa được đầy đủ. Do kiến thức về môi trường, đạo đức môi trường thường được đan xen trong các môn văn hóa, các tiết chuyên đề ở các bậc học nên người dân chỉ tiếp cận được một phần kiến thức, nội dung của đạo đức môi trường. Qua giáo dục và qua phương tiện truyền thông, người dân đã có sự nâng cao về nhận

thức, từ đó thay đổi hành vi ứng xử với môi trường trong cuộc sống. Tuy nhiên, vì chỉ tiếp cận một phần nội dung, lồng ghép trong các môn văn hóa khác nên các kiến thức, nội dung chưa có tính hệ thống, chưa tạo thành chiều sâu và tạo thành điểm khó khăn khi xây dựng đạo đức môi trường cho người dân.

Thứ hai, nhận thức về đạo đức môi trường chưa gắn liền với hành vi thực tế. Người dân tiếp nhận các thông tin về môi trường, đạo đức môi trường thông qua các phương tiện truyền thông và giáo dục. Tuy nhiên, lượng kiến thức, nội dung thường bị đơn giản đi để phù hợp với công tác truyền thông. Trong giáo dục, cách giảng dạy chủ yếu bằng phương pháp truyền thống phần nào đã làm giảm đi tính hấp dẫn, hiệu quả truyền tải nội dung kiến thức. Những điều này dẫn đến làm người dân khó nhận thức một cách toàn diện đạo đức môi trường, nên chưa gắn nhận thức với hành vi thực tế.

Thứ ba, một bộ phận người dân vẫn chưa thấy được sự gắn kết giữa môi trường với phát triển bền vững. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Việt Nam đã nhận định, bảo vệ môi trường là một điểm quan trọng để phát triển một cách bền vững, lâu dài. Tuy nhiên, các kiến thức, nội dung về môi trường, đạo đức môi trường chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ, vẫn cần hoàn thiện để phù hợp với quá trình phát triển, giai đoạn phát triển hiện nay. Đồng thời, với cách truyền tải thông tin, nội dung như hiện nay thì mức độ nhận thức đạo đức môi trường của người dân vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu mà phát triển bền vững đặt ra.

Để phát huy mặt tích cực của đạo đức môi trường đối với bảo vệ môi trường và hạn chế những hành vi tiêu dùng, sinh hoạt chưa phù hợp với môi trường, ta có thể áp dụng các giải pháp như xây dựng hệ thống chế tài xử phạt có sức nặng, nâng cao nhận thức bằng phương pháp tuyên truyền, truyền thông và xây dựng đạo đức môi trường thành một môn học, chuyên đề riêng. Bằng cách tác động trên nhiều mặt, sử dụng phối hợp nhiều phương pháp, đạo đức môi trường sẽ được hoàn thiện, tác động mạnh mẽ hơn tới người dân, giúp cho người dân có nhận thức đúng đắn, hành vi ứng xử phù hợp với môi trường./.